

TÒA ÁNNHÂN DÂN
HUYỆN PHÙ YÊN
TỈNH SƠN LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HS-ST
Ngày: 22-3-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Quỳnh, bà Lê Thị Bổng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngoãn - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thùy Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 22/3/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 35/2024/TLST-HS ngày 25/01/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2024/QĐXXST-HS ngày 21/02/2024, đối với bị cáo:

Bùi Văn T, sinh ngày 08/02/1958 tại huyện K, tỉnh H; nơi cư trú: Bản Y, xã T1, huyện P, tỉnh S; nghề nghiệp: Hưu trí (nguyên Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã T1, huyện P, tỉnh S); trình độ học vấn: Lớp 07/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái: Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam, đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 110-QĐ/UBKTHU ngày 26/01/2024 của Ủy ban Kiểm tra Huyện ủy P; con ông Bùi Quang H và bà Nguyễn Thị T (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Đ và 05 con, con lớn nhất sinh năm 1978, con nhỏ nhất sinh năm 1987; tiền án, tiền sự: Không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/10/2023 cho đến nay; có mặt.

- Nguyên đơn dân sự: Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh S. Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Ngọc T, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân xã T1, huyện P, tỉnh S. Người đại diện hợp pháp: Ông Đinh Văn H, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cầm Văn T, chức vụ: Phó Chủ tịch, có mặt.

2. Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện P, tỉnh S. Người đại diện hợp pháp: Ông Hồ Đăng Q, chức vụ: Trưởng phòng. Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh S. Người đại diện hợp pháp: Ông Hà Ngọc T, chức vụ: Giám đốc. Có mặt.

4. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1965, nơi cư trú: Bản Y, xã T1, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

5. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1962, nơi cư trú: Bản Y, xã T1, huyện P, tỉnh S. Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1958, nơi cư trú: Bản Y, xã T1, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

7. Ông Đinh Văn Q, sinh năm 1962, nơi cư trú: Bản H, xã T1, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

8. Ông Đinh Văn Q1, sinh năm 1964, nơi cư trú: Bản H, xã T1, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

9. Ông Đinh Văn O, sinh năm 1963, nơi cư trú: Bản Vường, xã T1, huyện P, tỉnh S; chức vụ và nơi công tác: Nguyên Phó Chủ tịch UBND xã T1, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

10. Bà Lường Thị N, sinh năm 1988, nơi cư trú: Bản G, xã H, huyện P, tỉnh S; chức vụ và nơi công tác: Công chức văn hóa xã hội xã T1, huyện P, tỉnh S. Có mặt.

11. Ông Hà Ngọc T, sinh năm 1978, nơi cư trú: Bản 1, xã Q, huyện P, tỉnh S; chức vụ và nơi công tác: Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh S. Có mặt.

12. Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1991, nơi cư trú: Tiểu khu 7, thị trấn P, huyện P, tỉnh S; chức vụ và nơi công tác: Chuyên viên Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh S. Có mặt.

13. Ông Hà Duy Ng, sinh năm 1969, nơi cư trú: Tiểu khu x, thị trấn P, huyện P, tỉnh S; chức vụ và nơi công tác: Nguyên Trưởng phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện P, tỉnh S. Vắng mặt.

14. Bà Vũ Thị Mai L, sinh năm 1987, nơi cư trú: Tiểu khu 2, thị trấn P, huyện P, tỉnh S; chức vụ và nơi công tác: Chuyên viên Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện P, tỉnh S. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 02/2017, Hội cựu chiến binh huyện P có công văn yêu cầu Hội cựu chiến binh 27 xã, thị trấn rà soát, lập danh sách các hội viên thuộc diện đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm của cựu chiến binh *(theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ về thực hiện chế độ đối với đối tượng trực tiếp tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, làm nhiệm vụ quốc tế sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc mà chưa được cấp thẻ bảo hiểm y tế chế độ cựu chiến binh)*. Thời điểm này, Bùi Văn T đang giữ chức vụ là Chủ tịch Hội cựu chiến Binh xã T1, huyện P, việc lập danh sách các hội viên thuộc thẩm quyền, trách

nhiệm của Bùi Văn T.

Bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị X cùng cư trú tại bản Y, xã T1, là họ hàng của Bùi Văn T, nghe thông tin nếu ai có chồng hoặc con đi bộ đội thì được cấp Thẻ bảo hiểm cựu chiến binh nên đã đến hỏi và nhờ T giúp cho tên vào danh sách. Mặc dù biết bà L, bà X không thuộc đối tượng được hưởng chế độ nhưng T không nói cho 2 bà biết mà đồng ý và lấy thông tin cá nhân của 2 bà. Sau đó, tại phòng làm việc của Hội Cựu chiến binh xã T1, T đã tự ý cho thêm bà X, bà L và vợ của T là bà Nguyễn Thị Đ vào danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh của xã T1. Mục đích là để các bà X, L, Đ được hưởng chế độ khám chữa bệnh không mất tiền. Sau đó, T đưa cho chị Lương Thị N (*là công chức lao động thương binh xã hội xã T1*). Dựa trên danh sách T đã nộp, chị N lập danh sách theo mẫu, trình ông Đinh Văn O (*là Phó Chủ tịch UBND xã*) ký và chuyển đến Bảo hiểm xã hội huyện P qua bộ phận một cửa.

Danh sách trên được chuyển cho chị Nguyễn Thị Th (*là cán bộ thu của Bảo hiểm xã hội huyện P*) để tiếp nhận. Chị Th nhập danh sách vào phần mềm quản lý thu và chuyển dữ liệu đến bộ phận sổ thẻ thuộc Bảo hiểm xã hội huyện P để in thẻ bảo hiểm y tế. Cuối tháng 3/2017 và cuối tháng 5/2017, Bảo hiểm xã hội huyện P và Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện P mới thực hiện việc đối chiếu, xác nhận danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh.

Ngày 01/3/2017, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị L được cấp Thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh. Riêng đối với trường hợp bà Nguyễn Thị Đ do bị thiếu sót trong quá trình cấp thẻ nên Bùi Văn T đã nói lại với chị Lương Thị N để tiếp tục lập danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế gửi đến Bảo hiểm xã hội huyện P cấp thẻ bảo hiểm cho bà Đ. Ngày 01/5/2017, bà Đ được Bảo hiểm xã hội huyện P cấp Thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh. Sau khi nhận được thẻ, bà Đ và bà X đã sử dụng để tham gia khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế; bà L do làm mất thẻ nên chưa sử dụng để khám chữa bệnh.

Kết luận giám định ngày 05/10/2023 của Sở Tài chính tỉnh Sơn La kết luận: "*03 trường hợp không đúng đối tượng được ngân sách nhà nước đóng kinh phí mua thẻ BHYT từ 01/3/2017 đến 30/7/2023 với tổng số tiền thiệt hại ngân sách nhà nước là 14.557.500 đồng (Mười bốn triệu năm trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng chẵn), (trong đó: Bà Nguyễn Thị L là 4.888.800 đồng; Bà Nguyễn Thị X là 4.888.800 đồng; Bà Nguyễn Thị Đ là 4.779.900 đồng)*". Kết luận giám định ngày 03/11/2023 của Bảo hiểm xã hội tỉnh Sơn La kết luận: "*Tổng chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế của 03 trường hợp dùng thẻ bảo hiểm y tế không đúng đối tượng được ngân sách nhà nước đóng kinh phí mua thẻ BHYT, từ tháng 02 năm 2018 đến tháng 9 năm 2021 là 25.164.489 đồng. Cụ thể như sau: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh ngày 15/2/1958, mã thẻ BHYT CB2141421347837 (thời hạn bắt đầu dùng thẻ 01/5/2017), chi phí khám chữa bệnh BHYT của 2 đợt điều trị là 8.738.316 đồng. Bà Nguyễn Thị X, sinh ngày 12/4/1962, mã thẻ BHYT CB2141421347836 (thời hạn bắt đầu dùng thẻ 01/3/2017), chi phí khám chữa bệnh BHYT của 21 đợt điều trị là 16.426.173 đồng. Bà Nguyễn Thị L, sinh ngày 15/8/1965, mã thẻ BHYT CB2141421347918 (thời hạn bắt đầu dùng thẻ 01/3/2017), bà L chưa sử dụng Thẻ BHYT để khám chữa bệnh*".

Về quy trình cấp thẻ bảo hiểm y tế cho cựu chiến binh, căn cứ Thông tư số 25/2016/TT-BLĐTBXH ngày 26/7/2016 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội hướng dẫn xác định quản lý đối tượng tham gia bảo hiểm y tế theo quy định tại khoản 4, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế; Quyết định số 959/QĐ-BHXH ngày 09/9/2015 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam ban hành quy định về quản lý thu bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; quản lý sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế: Sau khi nhận được danh sách đề nghị cấp bảo hiểm y tế của Bùi Văn T chuyển đến, công chức lao động, thương binh và xã hội của UBND xã phải rà soát, kiểm tra các trường hợp có tên trong danh sách có thuộc đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế không, sau đó lập danh sách theo mẫu DK05 (*ban hành kèm theo Quyết định 959/QĐ-BHXH*), trình lãnh đạo UBND xã ký và chuyển đến Bảo hiểm xã hội huyện và Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được danh sách, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội chủ trì phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội cấp huyện rà soát, đối chiếu danh sách theo mẫu DK06 (*ban hành kèm theo Quyết định 959/QĐ-BHXH*). Nếu đúng đối tượng thì trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận danh sách, Bảo hiểm xã hội huyện thực hiện cấp thẻ cho đối tượng. Trường hợp chưa đúng đối tượng hoặc thiếu thông tin thì trong thời hạn 03 ngày làm việc, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội chuyển lại UBND xã để hoàn thiện lại danh sách theo quy định.

Đối với chị Lường Thị N (*là công chức lao động, thương binh và xã hội xã T1*): Năm 2017, trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao, chị N đã không rà soát, kiểm tra các trường hợp có tên trong danh sách do Bùi Văn T đưa có thuộc đối tượng được cấp thẻ bảo hiểm y tế hay không mà chỉ dựa vào đó để lập danh sách (*mẫu DK05*). Ông Đinh Văn O (*là phó Chủ tịch UBND xã T1*) đã ký xác nhận vào danh sách do tin tưởng chị Lường Thị N. Sau khi ông O ký, chị N chỉ chuyển cho Bảo hiểm xã hội huyện mà không chuyển cho Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện theo quy định tại Điều 4 Thông tư 25/2016/TT-BLĐTBXH.

Đối với chị Nguyễn Thị Th (*là nhân viên thu của Bảo hiểm xã hội huyện P*): Sau khi tiếp nhận danh sách đề nghị của xã T1 đã chuyển cho bộ phận sổ thẻ để in thẻ cấp cho các đối tượng khi chưa thực hiện việc rà soát, đối chiếu với Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội. Đến ngày 15/3/2017 và ngày 31/5/2017 (*cùng ngày với ngày bàn giao thẻ bảo hiểm y tế cho xã T1*) thì mới thực hiện việc rà soát, đối chiếu danh sách (*theo mẫu DK06*) với Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội. Ông Hà Ngọc T (*lúc đó là Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội huyện P*) đã ký xác nhận vào danh sách đối chiếu theo mẫu DK06 cùng ngày với ngày bàn giao thẻ bảo hiểm y tế cho xã T1.

Đối với chị Vũ Thị Mai L (*là công chức Phòng Lao động thương binh xã hội huyện P*) và ông Hà Duy Ng (*lúc đó là Trưởng phòng Phòng Lao động thương binh xã hội huyện P*): Vào thời điểm tháng 3 và tháng 5/2017 đã không chủ trì rà soát, đối chiếu danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế mà chỉ ký vào danh sách theo mẫu DK06 do Bảo hiểm xã hội chuyển đến do tin tưởng vào danh sách do các xã lập và đề nghị.

Nguyên nhân việc không rà soát, đối chiếu trước khi cấp thẻ là do Bảo hiểm xã

hội huyện và Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội đã thống nhất chỉ thực hiện việc rà soát, đối chiếu vào cuối tháng và tin tưởng vào kết quả rà soát của cấp UBND cấp xã.

Hậu quả việc cấp Thẻ bảo hiểm y tế gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước và thiệt hại cho Quỹ bảo hiểm y tế tổng số tiền là 39.721.989 đồng. Hành vi nêu trên của chị Lương Thị N, ông Đinh Văn O, chị Nguyễn Thị Th, ông Hà Ngọc T, chị Vũ Thị Mai L, ông Hà Duy Ng không được Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị X và bà Nguyễn Thị Đ nhờ giúp đỡ; không biết, không được bàn bạc, không được hưởng lợi ích gì từ việc trên. Vì vậy hành vi của chị N, ông O, chị Th, ông T, chị L, ông Ng không cấu thành tội phạm Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng quy định tại Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 mà chỉ vi phạm quy định của pháp luật về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của công chức (*quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 112/NĐ-CP ngày 18/9/2020 của Chính phủ*). Tuy nhiên do thời hiệu xử lý kỉ luật đã hết nên không đặt vấn đề xử lý.

Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Đ không được trực tiếp nghiên cứu các quy định của pháp luật về chế độ, chính sách đối với cựu chiến binh và thân nhân cựu chiến binh; không biết được bản thân không thuộc diện được cấp thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh; không được bàn bạc, thống nhất với Bùi Văn T để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, bà X, bà L và bà Đ không phải là đồng phạm với Bùi Văn T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Bà X và bà Đ đã sử dụng thẻ bảo hiểm cựu chiến binh để khám chữa bệnh, chi phí khám chữa bệnh của bà X là 16.426.173 đồng, của bà Đ là 8.738.316 đồng nên hành vi của hai bà chưa đủ yếu tố cấu thành tội Gian lận bảo hiểm y tế theo Điều 215 Bộ luật Hình sự.

Tháng 8/2022, Bảo hiểm xã hội huyện P yêu cầu các đối tượng đang được hưởng chế độ bảo hiểm theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg ngày 09/11/2011 của Thủ tướng Chính phủ nộp quyết định công nhận đối tượng hưởng chế độ bảo hiểm cựu chiến binh để lưu hồ sơ. Hội viên Chi hội cựu chiến binh bản Y đã nộp quyết định phô tô của mình cho Bùi Văn T để T nộp lên Hội Cựu chiến binh xã T1. Bùi Văn T đã sử dụng quyết định phô tô của hội viên đem ra quán phô tô copy phô tô lại; dán tên, năm sinh, địa chỉ đã chuẩn bị sẵn của bà X, L và Đ rồi lần lượt dán vào Quyết định phô tô rồi phô tô lại, sau đó nộp 03 quyết định này lên Hội cựu chiến binh xã T1. Tính đến tháng 8/2022, việc cấp thẻ bảo hiểm y tế không đúng đối tượng đã gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 14.557.500 đồng và thiệt hại cho Quỹ Bảo hiểm y tế huyện P số tiền 25.164.489 đồng. Do đó, hành vi làm ra 03 quyết định phô tô mang tên bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Đ của Bùi Văn T không cấu thành tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức, quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Quá trình điều tra vụ án còn phát hiện ông Đinh Văn Q, sinh năm 1962, nơi cư trú bản Tân Hợp, xã T1, huyện P, được cấp Thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh không đúng đối tượng. Kết quả điều tra đã xác định: Tháng 3/1984, ông Q có Giấy gọi nhập ngũ tham gia thực hiện nhiệm vụ quốc tế. Đến ngày nhập ngũ thì em trai ruột của ông Q là ông Đinh Văn Q1, sinh năm 1964, tự nguyện đi nghĩa vụ quân sự thay cho

ông Q tại đơn vị C18, Trung đoàn E184, Sư đoàn F379, đóng quân tại huyện Mường Khoa, tỉnh Phongsaly nước bạn Lào. Ông Q1 sử dụng toàn bộ thông tin cá nhân của ông Q để thực hiện nghĩa vụ quân sự. Đến tháng 4/1987, ông Q1 thực hiện xong nghĩa vụ quân sự và được phục viên trở về địa phương cư trú. Tháng 6/2021, Bảo hiểm xã hội huyện P có Công văn về việc rà soát, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho cựu chiến binh. Ông Q1 đã mang Quyết định số 816/QĐ-BTL, ngày 10/12/2012 của Bộ tư lệnh Quân khu 2, Bộ Quốc phòng về việc thực hiện trợ cấp một lần với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế mang tên Đinh Văn Q đến nộp cho anh Hà Văn D (là *Chủ tịch hội cựu chiến binh xã T1, huyện P*) để lập danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh theo quy định. Ngày 01/7/2021, Bảo hiểm xã hội huyện P cấp thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh mang tên Đinh Văn Q. Khi có được Thẻ bảo hiểm y tế, ông Q1 không sử dụng mà đưa cho anh trai là Đinh Văn Q. Sau đó, ông Q đã khám chữa bệnh tại Bệnh viện đa khoa huyện P 01 (một) lần từ ngày 21/9/2021 đến ngày 27/9/2021 chi phí hết số tiền là 2.764.193 đồng. Chi phí Ngân sách nhà nước mua Thẻ bảo hiểm y tế từ ngày 01/7/2021 đến ngày 31/7/2023 là 1.690.200 đồng. Tổng thiệt hại đối với Ngân sách nhà nước và Quỹ bảo hiểm huyện P đối với trường hợp của ông Đinh Văn Q là 4.454.393 đồng. Hành vi sử dụng thẻ bảo hiểm y tế không đúng đối tượng của ông Q và ông Q1 cũng không cấu thành tội Gian lận bảo hiểm y tế, quy định tại Điều 215 Bộ luật Hình sự năm 2015. Hành vi không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ của ông Q và việc ông Q1 nhập ngũ thay anh trai đã vi phạm Điều 69 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981. Tuy nhiên, các hành vi này đã xảy ra từ năm 1984, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về thi hành Bộ luật Hình sự 2015 và quy định tại Điều 27 Bộ Luật Hình sự 2015 thì đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự nên không đặt vấn đề xử lý hình sự đối với ông Q và ông Q1.

Về khắc phục hậu quả: Ngày 31/10/2023 và ngày 20/12/2023, Bùi Văn T đã tự nguyện nộp 39.722.500 đồng để khắc phục thiệt hại. Ngày 13/12/2023, ông Đinh Văn Q đã tự nguyện nộp 4.456.000 đồng để khắc phục thiệt hại.

Cáo trạng số: 03/CT-VKS ngày 24/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi như nội dung bản cáo trạng. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 và khoản 4 Điều 356; điểm b, s và v khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 13 đến 16 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 26 đến 32 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, cấm đảm nhiệm chức vụ đối với bị cáo từ 01 đến 02 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận bị cáo Bùi Văn T và ông Đinh Văn Q đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại gồm của Ngân sách nhà nước và Quỹ bảo hiểm

y tế.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 2 Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự, tịch thu nộp ngân sách nhà nước 17.322.500 đồng, trả lại Bảo hiểm xã hội huyện P 26.855.489 đồng để hoàn trả Quỹ Bảo hiểm y tế, trả lại bị cáo 511 đồng, trả lại ông Q 1.607 đồng.

- Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo vì thuộc trường hợp người cao tuổi.

Nguyên đơn dân sự Bảo hiểm xã hội huyện P nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên về việc trả lại tiền cho Bảo hiểm xã hội huyện P để hoàn trả Quỹ Bảo hiểm y tế theo quy định.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa nhất trí nội dung Cáo trạng và đề nghị của Kiểm sát viên. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có ý kiến khác với lời khai trong giai đoạn điều tra.

Bị cáo nhất trí với luận tội của Kiểm sát viên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin vắng mặt gồm: Ông Hồ Đăng Q (*người đại diện hợp pháp của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện P*), chị Vũ Thị Mai L, ông Hà Duy Ng, bà Nguyễn Thị X. Xét thấy sự vắng mặt không cản trở việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên theo khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi của bị cáo:

[3.1] Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên lời khai như tại Cơ quan điều tra và nhất trí với cáo trạng của Viện kiểm sát. Bị cáo khẳng định việc khai báo là hoàn toàn tự nguyện và đúng với hành vi đã thực hiện. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, kết luận giám định thiệt hại, kết quả xác minh với Ban Chỉ huy quân sự huyện P về đối tượng hưởng trợ cấp một lần theo Quyết định số 62/2011/QĐ-TTg, hồ sơ bệnh án khám chữa bệnh của những

người liên quan, các tài liệu mà Bảo hiểm xã hội huyện P cung cấp và các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Tháng 02/2017, lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao là Chủ tịch Hội Cựu chiến binh xã T1, Bùi Văn T đã có hành vi tự ý cho thêm 03 người không thuộc đối tượng được hưởng chế độ bảo hiểm cựu chiến binh (*gồm bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị Đ*) vào Danh sách đề nghị cấp thẻ bảo hiểm y tế với mục đích để bà X, L, Đ được khám chữa bệnh miễn phí. Hậu quả gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 14.557.500 đồng và gây thiệt hại cho Quỹ Bảo hiểm y tế 25.164.489 đồng, tổng thiệt hại là 39.721.989 đồng. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên truy tố bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3.2] Về điều luật áp dụng: Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước ngày 01/01/2018. Tuy nhiên, so với Bộ luật Hình sự năm 1999, Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ có lợi hơn cho người phạm tội. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội Về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 và về hiệu lực thi hành của Bộ luật Tổ tụng hình sự số 101/2015/QH13, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự số 99/2015/QH13, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam số 94/2015/QH13, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng điều luật áp dụng.

[4] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo là cựu chiến binh, không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Sau khi bị phát hiện, bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ nội dung sự việc, thể hiện thái độ ăn năn hối cải và khắc phục toàn bộ thiệt hại. Trong quá trình công tác, bị cáo có thành tích xuất sắc trong công tác cựu chiến binh (*năm 2011 được Chủ tịch UBND tỉnh S tặng bằng khen và năm 2016 được Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh tỉnh S tặng bằng khen về thành tích xuất sắc trong công hội cựu chiến binh*). Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s và v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội và trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan nhà nước, gây thiệt hại đến tài sản công, ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín của nhà nước và niềm tin của nhân dân. Do đó, cần áp dụng hình phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục, cải tạo riêng và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, có 3 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự tại địa phương. Vì vậy, căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà chỉ cần áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo cũng đảm bảo giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Đề nghị của Viện

kiểm sát về hình phạt chính đối với bị cáo là có căn cứ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Quá trình điều tra và tranh tụng tại phiên tòa xác định bị cáo là cán bộ hưu, ngoài một ngôi nhà và đất ở chung của hộ gia đình thì bị cáo không có tài sản có giá trị lớn. Do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền nhưng cần áp dụng hình phạt bổ sung là cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác hội cựu chiến binh đối với bị cáo.

[7] Về những người có liên quan:

[7.1] Bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Đ không biết được bản thân không thuộc diện được cấp thẻ bảo hiểm y tế cựu chiến binh; không được bàn bạc, thống nhất với Bùi Văn T để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, hành vi của bà X, bà L và bà Đ không phải là đồng phạm với bị cáo. Bà Đ sử dụng thẻ bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh gây thiệt hại quỹ bảo hiểm y tế 8.738.316 đồng, bà X sử dụng thẻ bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh gây thiệt hại cho quỹ bảo hiểm y tế 16.426.173 đồng. Hành vi của bà Đ và bà X chưa đủ yếu tố cấu thành tội Gian lận bảo hiểm y tế quy định tại Điều 215 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7.2] Chị Lương Thị N, ông Đinh Văn O, chị Nguyễn Thị Th, ông Hà Ngọc T, chị Vũ Thị Mai L, ông Hà Duy Ng không biết hành vi vi phạm của Bùi Văn T, vi thiếu trách nhiệm, tin tưởng vào danh sách cựu chiến binh mà T lập ra là đúng nên đã phê duyệt và thực hiện thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng không đủ điều kiện. Vì vậy, chị N, ông O, chị Th, ông T, chị L, ông Ng không phải là đồng phạm của bị cáo và hành vi trên chưa đủ yếu tố cấu thành tội Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định tại Điều 360 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[7.3] Hành vi của ông Đinh Văn Q không chấp hành lệnh gọi nhập ngũ và ông Đinh Văn Q1 nhập ngũ thay anh trai năm 1984 là vi phạm Điều 69 Luật Nghĩa vụ quân sự năm 1981. Tuy nhiên, đến nay thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự đã hết nên không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với ông Q và ông Q1. Ông Q không tham gia nghĩa vụ quân sự nhưng vẫn được cấp thẻ bảo hiểm y tế là không đúng đối tượng. Tuy nhiên, UBND xã T1, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện P và Bảo hiểm xã hội huyện P không có lỗi trong việc cấp thẻ cho ông Q vì không biết việc ông Q1 nhập ngũ thay ông Q. Ông Q sử dụng thẻ y tế được cấp không đúng để khám chữa bệnh gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 1.690.200 đồng và quỹ bảo hiểm y tế 2.764.193 đồng. Hành vi của ông Q chưa đủ yếu tố cấu thành tội Gian lận bảo hiểm y tế quy định tại Điều 215 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện khắc phục toàn bộ thiệt hại và không yêu cầu bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ hoàn trả số tiền bị cáo đã bỏ ra để khắc phục thiệt hại, ông Đinh Văn Q đã khắc phục toàn bộ thiệt hại nên cần ghi nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Số tiền bị cáo và ông Đinh Văn Q đã nộp để khắc phục thiệt hại ngân sách nhà nước mua thẻ bảo hiểm y tế được tịch thu sung công quỹ nhà nước. Số tiền Quỹ bảo hiểm y tế đã chi trả tiền khám chữa bệnh cho bà X, bà Đ và ông Q được trả lại cho Bảo hiểm xã hội huyện P để hoàn trả Quỹ Bảo hiểm y tế. Bị cáo và ông Q được nhận lại tiền đã nộp thừa.

[10] Đối với hành vi làm 03 quyết định photo mang tên bà Nguyễn Thị X, Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị Đ của bị cáo: Tháng 08/2022, bị cáo dùng bản photo trích sao quyết định trợ cấp một lần đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ Tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế của hai cựu chiến binh bản Y, xã T1, dán tên, năm sinh của bà X, bà L và bà Đ vào rồi photo lại và nộp cho Hội Cựu chiến binh xã T1. Xét thấy, tại thời điểm đó, hành vi phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn của bị cáo đã hoàn thành, thiệt hại đã xảy ra. Căn cứ Điều 25 và Điều 26 Nghị định 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư; Điều 3 Nghị định 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch, giấy tờ bị cáo làm ra chỉ là bản photo nên không có giá trị pháp lý, không có giá trị chứng minh. Do vậy, cơ quan điều tra không khởi tố bị cáo về tội Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức quy định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[11] Về kiến nghị khắc phục nguyên nhân, điều kiện phạm tội: Việc tội phạm xảy ra có một phần nguyên nhân do các cơ quan nhà nước chưa thực hiện đúng trình tự, thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế. Vì vậy, Hội đồng xét xử kiến nghị Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội huyện P, Bảo hiểm xã hội huyện P và UBND các xã trên địa bàn huyện thực hiện đúng các quy định của Luật Bảo hiểm y tế và các văn bản hướng dẫn thi hành trong việc rà soát, đối chiếu và thực hiện thủ tục cấp thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng được Nhà nước hỗ trợ đóng phí bảo hiểm theo đúng quy định của pháp luật.

[12] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt: Căn cứ Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội; khoản 1 và khoản 4 Điều 356; điểm b, s và v khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015: Tuyên bố Bùi Văn T phạm tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 14 (*mười bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 28 (*hai mươi tám*) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (*ngày 22/3/2024*). Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Cấm đảm nhiệm chức vụ liên quan đến công tác hội cựu chiến binh đối với bị cáo 02 (*hai*) năm kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T1, huyện P, tỉnh S giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 584; khoản 1 Điều 585; Điều 589 Bộ luật Dân sự:

- Ghi nhận bị cáo Bùi Văn T đã khắc phục toàn bộ thiệt hại số tiền là 39.721.989 đồng (*gồm ngân sách nhà nước 14.557.500 đồng và Quỹ bảo hiểm y tế 25.164.489 đồng*) và không yêu cầu bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Đ hoàn trả.

- Ghi nhận ông Đinh Văn Q đã khắc phục toàn bộ thiệt hại số tiền là 4.454.393 đồng (*gồm ngân sách nhà nước 1.690.200 đồng và Quỹ bảo hiểm y tế 2.764.193 đồng*).

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 và Điều 48 Bộ luật Hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 16.247.700 đồng (*mười sáu triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn bảy trăm đồng*), trong đó gồm 14.557.500 đồng bị cáo Bùi Văn T đã nộp và 1.690.200 đồng ông Đinh Văn Q đã nộp để khắc phục thiệt hại ngân sách nhà nước đã mua thẻ bảo hiểm y tế cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị L, ông Đinh Văn Q.

- Trả lại 27.928.682 đồng (*hai mươi bảy triệu chín trăm hai mươi tám nghìn sáu trăm tám mươi hai đồng*) cho Bảo hiểm xã hội huyện P, tỉnh S, để hoàn trả Quỹ Bảo hiểm y tế. Trong đó gồm 25.164.489 đồng bị cáo Bùi Văn T đã nộp và 2.764.193 đồng ông Đinh Văn Q đã nộp để khắc phục thiệt hại Quỹ bảo hiểm y tế đã chi trả tiền khám chữa bệnh cho bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị Đ và ông Đinh Văn Q.

- Trả lại bị cáo Bùi Văn T 511 đồng (*năm trăm mười một đồng*). Trả lại ông Đinh Văn Q 1.607 đồng (*một nghìn sáu trăm linh bảy đồng*).

(*Hiện trạng, đặc điểm các khoản tiền bị cáo Bùi Văn T và ông Đinh Văn Q đã nộp theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản hồi 08 giờ 30 phút ngày 01/02/2024 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phù Yên với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phù Yên*).

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Bị cáo, nguyên đơn dân sự và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (*ngày 22/3/2024*). Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Phù Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La;
- Cơ quan THAHS CA huyện Phù Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Cơ quan THAHS CA tỉnh Sơn La;
- Trại tạm giam CA tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS huyện Phù Yên;
- UBND xã T1, huyện P;
- Bị cáo; nguyên đơn dân sự;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam